

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Vũ Văn Cảnh**  
Giám đốc

Ngày 12 tháng 01 năm 2015

Số: 244 /VACOHP/BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12/01/2015, từ trang 04 đến trang 28 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên (Tiếp theo)

#### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 23, Công ty áp dụng miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



**Nguyễn Hồng Hiền**  
**Giám đốc Chi nhánh**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán : 1117-2014-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
**TẠI HẢI PHÒNG**  
*Hải Phòng, ngày 12 tháng 01 năm 2015*

**Đỗ Bình Dương**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán : 1953-2014-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>1.223.578.810.095</b>	<b>481.772.633.791</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>506.580.539.574</b>	<b>177.402.247.656</b>
1. Tiền	111		385.721.652.440	177.402.247.656
2. Các khoản tương đương tiền	112		120.858.887.134	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>448.550.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	448.550.000.000	-
<b>III. Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>53.901.836.218</b>	<b>174.304.167.251</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	7.754.563.636	1.881.500.000
2. Trả trước cho người bán	132	7	33.913.342.793	23.900.434.297
3. Các khoản phải thu khác	135	8	12.233.929.789	148.522.232.954
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>214.531.655.159</b>	<b>128.012.064.615</b>
1. Hàng tồn kho	141		215.338.946.768	128.012.064.615
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(807.291.609)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.779.144</b>	<b>2.054.154.269</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	220.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	888.491.407
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		14.779.144	945.662.862
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+250+260)	<b>200</b>		<b>217.666.987.411</b>	<b>197.715.404.093</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.309.560.766</b>	<b>3.473.526.784</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.309.560.766	3.473.526.784
- Nguyên giá	222		5.945.191.345	4.757.229.525
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(635.630.579)	(1.283.702.741)
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>212.325.347.386</b>	<b>193.427.347.386</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	180.000.000.000	160.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	33.427.347.386	33.427.347.386
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.102.000.000)	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>32.079.259</b>	<b>814.529.923</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		32.079.259	814.529.923
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.441.245.797.506</b>	<b>679.488.037.884</b>

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>693.737.031.699</b>	<b>182.322.218.755</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>679.507.031.699</b>	<b>182.322.218.755</b>
1. Phải trả người bán	312	13	591.832.667.728	116.076.838.550
2. Người mua trả tiền trước	313	14	14.939.208.491	8.259.554.610
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		4.817.796.342	63.466.457
4. Chi phí phải trả	316		11.035.000.000	982.000.000
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	48.417.055.856	48.417.055.856
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.465.303.282	8.523.303.282
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14.230.000.000</b>	<b>-</b>
1. Dự phòng phải trả dài hạn	337		14.230.000.000	-
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>747.508.765.807</b>	<b>497.165.819.129</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>747.508.765.807</b>	<b>497.165.819.129</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		573.642.410.000	382.499.480.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.116.236.000	14.270.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.780.251.000	8.677.751.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		146.969.868.807	91.718.588.129
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.441.245.797.506</b>	<b>679.488.037.884</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2014	01/01/2014
1. Ngoại tệ (USD)	686,06	462,39

  
\_\_\_\_\_  
Hồ Thị Xuân Hòa  
Người lập biểu

  
\_\_\_\_\_  
Hồ Thị Xuân Hòa  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
Vũ Văn Cảnh  
Giám đốc

Ngày 12 tháng 01 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2014	2013
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>17</b>	<b>1.423.761.494.958</b>	<b>498.949.737.897</b>
<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)</b>	<b>10</b>		<b>1.423.761.494.958</b>	<b>498.949.737.897</b>
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	1.242.239.968.595	406.013.362.809
<b>4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>181.521.526.363</b>	<b>92.936.375.088</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	11.064.368.263	1.465.744.248
6. Chi phí tài chính	22	20	8.092.987.864	3.839.380.120
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		573.098.277	-
7. Chi phí bán hàng	24	21	33.276.122.179	4.706.443.627
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	13.430.607.236	3.482.918.094
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>		<b>137.786.177.347</b>	<b>82.373.377.495</b>
10. Thu nhập khác	31		2.594.888.453	-
11. Chi phí khác	32		2.341.940.335	2.000.000
<b>12. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>252.948.118</b>	<b>(2.000.000)</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>138.039.125.465</b>	<b>82.371.377.495</b>
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	2.185.844.787	321.534.748
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>135.853.280.678</b>	<b>82.049.842.747</b>
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	2.859	1.868



Hồ Thị Xuân Hòa  
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân Hòa  
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh  
Giám đốc

Ngày 12 tháng 01 năm 2015



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	138.039.125.465	82.371.377.495
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	390.787.964	535.011.118
Các khoản dự phòng	03	16.139.291.609	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	105.004.918	462.660.039
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.833.989.569)	(1.286.139.098)
Chi phí lãi vay	06	573.098.277	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	148.413.318.664	82.082.909.554
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	128.798.899.928	89.872.717.859
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(87.326.882.153)	(39.315.929.338)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	497.216.053.627	3.548.178.268
Thay đổi chi phí trả trước	12	599.571.064	(947.643.889)
Tiền lãi vay đã trả	13	(573.098.277)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.264.090.388)	(261.818.291)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	2.006.669.445
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(211.764.000)	(240.010.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>684.652.008.465</b>	<b>136.745.073.608</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.567.146.547)	(1.491.153.077)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.000.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(448.550.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(100.000.000.000)	(160.000.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	80.000.000.000	114.989.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	1.286.139.098
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(470.117.146.547)</b>	<b>(45.216.013.979)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	114.643.430.000	44.933.960.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	33.377.520.514	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(33.377.520.514)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>114.643.430.000</b>	<b>44.933.960.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>329.178.291.918</b>	<b>136.463.019.629</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>177.402.247.656</b>	<b>40.939.228.027</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>506.580.539.574</b>	<b>177.402.247.656</b>

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*

**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Trong năm 2014, Công ty thực hiện tăng vốn chủ sở hữu thông qua việc chia cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu, do đó trong năm không phát sinh khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu tăng vốn và cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu với số tiền tương ứng là 76.499.500.000 đồng.

Tiền chi ra để mua sắm tài sản cố định không bao gồm 594.888.000 đồng do nhà cung cấp tặng cho Công ty.



Hồ Thị Xuân Hòa  
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 01 năm 2015



Hồ Thị Xuân Hòa  
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh  
Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần 1 ngày 30/05/2008, thay đổi lần 2 ngày 25/12/2008, thay đổi lần 3 ngày 07/05/2009, thay đổi lần 4 ngày 12/11/2010; thay đổi lần 5 ngày 28/03/2011; thay đổi lần thứ 6 ngày 10/07/2012; thay đổi lần thứ 7 ngày 13/09/2012; thay đổi lần thứ 8 ngày 22/07/2013; thay đổi lần thứ 9 ngày 20/10/2014.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 là: 573.642.410.000 đồng.

Danh sách cổ đông lớn tại ngày 31/12/2014 như sau:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số cổ phiếu (Cổ phiếu)	Giá trị vốn góp tại 31/12/2014 (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Đỗ Hữu Hạ	21.242.490	212.424.900.000	37,03
2	Ông Đỗ Hữu Hậu	9.659.250	96.592.500.000	16,84
3	Cổ đông khác	26.462.501	264.625.010.000	46,13
	<b>Cộng</b>	<b>57.364.241</b>	<b>573.642.410.000</b>	<b>100</b>

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 22 người (01 tháng 01 năm 2014: 20 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô con, ô tô tải, cho thuê văn phòng, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**Các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy do cùng chịu sự điều hành của các cổ đông chính chiếm trên 51% vốn Điều lệ.
- Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt do cùng chịu sự kiểm soát của các cổ đông chính.
- Các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hàng tồn kho (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo chính sách kế toán của Công ty: linh kiện chậm luân chuyển từ 12 tháng đến 18 tháng trích lập dự phòng 40%, từ 18 tháng đến 24 tháng trích lập 70% Tại ngày 31/12/2014, Ban Giám đốc quyết định trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với các linh kiện chậm luân chuyển trên 02 năm với giá trị bằng 70%.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 10

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông.

Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và Vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, Công ty đã trích lập dự phòng chi phí bảo hành bán hàng theo các hợp đồng bán hàng tương đương với 1% /tổng doanh thu.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (tiếp theo)**

Theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011, Công ty được miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật”.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	128.304.543	176.231.268
Tiền gửi ngân hàng	385.593.347.897	177.226.016.388
Các khoản tương đương tiền (*)	120.858.887.134	-
<b>Cộng</b>	<b><u>506.580.539.574</u></b>	<b><u>177.402.247.656</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng Thương mại cổ phần.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	448.550.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>448.550.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các tổng đại lý	6.614.563.636	1.881.500.000
Khách lẻ	1.140.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>7.754.563.636</u></b>	<b><u>1.881.500.000</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2014		01/01/2014	
	USD	VND	USD	VND
Các đối tượng nước ngoài	305.996	7.567.208.360	-	-
Các đối tượng trong nước	-	26.346.134.433	-	23.900.434.297
<b>Cộng</b>	<b>305.996</b>	<b>33.913.342.793</b>	<b>-</b>	<b>23.900.434.297</b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí của dự án nhà ở thu nhập thấp (*)	5.656.736.019	2.686.785.020
Công ty cổ phần TM Hưng Việt (**)	-	145.835.447.934
Lãi tiền gửi phải thu	6.577.193.770	-
<b>Cộng</b>	<b>12.233.929.789</b>	<b>148.522.232.954</b>

(\*) Phản ánh các khoản Công ty đã chi liên quan đến dự án Khu nhà ở cho người có thu nhập thấp tại Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng trong Liên doanh với Công ty TNHH Pruksa International (xem thuyết minh số 27 dưới đây).

(\*\*) Phản ánh khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt số tiền đã góp còn lại chưa thu hồi theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/HTKD ngày 01/01/2012 với Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt. Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/NQĐHCEĐ ngày 05/02/2013, đại hội đã thông qua định hướng dừng việc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, Công ty xin rút vốn từ hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên, chấp nhận không hưởng lãi để tập trung nguồn lực kinh doanh cho Công ty. Tại 01/01/2014 số tiền đầu tư còn là 145.835.447.934 đồng, trong năm Công ty đã thực hiện rút hết vốn và không phát sinh bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào liên quan đến giao dịch nêu trên.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	50.438.454.399	53.115.983.834
Thành phẩm	1.816.674.406	-
Hàng hoá	36.214.859.655	13.294.936.125
Hàng gửi đi bán	126.868.958.308	61.601.144.656
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>215.338.946.768</b>	<b>128.012.064.615</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(807.291.609)	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>214.531.655.159</b>	<b>128.012.064.615</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<b>Tại 01/01/2014</b>	<b>4.414.012.727</b>	<b>343.216.798</b>	<b>4.757.229.525</b>
Mua trong năm	4.162.034.547	-	4.162.034.547
Thanh lý, nhượng bán	(2.974.072.727)	-	(2.974.072.727)
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>5.601.974.547</b>	<b>343.216.798</b>	<b>5.945.191.345</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
<b>Tại 01/01/2014</b>	<b>1.117.041.443</b>	<b>166.661.298</b>	<b>1.283.702.741</b>
Khấu hao trong năm	336.263.770	54.524.194	390.787.964
Thanh lý, nhượng bán	(1.038.860.126)	-	(1.038.860.126)
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>414.445.087</b>	<b>221.185.492</b>	<b>635.630.579</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại 01/01/2014</b>	<b>3.296.971.284</b>	<b>176.555.500</b>	<b>3.473.526.784</b>
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>5.187.529.460</b>	<b>122.031.306</b>	<b>5.309.560.766</b>

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT**

*a. Chi tiết cho cổ phiếu của từng công ty liên kết*

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang (*)	-	-	8.000.000	80.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp (**)	10.000.000	100.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>18.000.000</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>16.000.000</b>	<b>160.000.000.000</b>

(\*) Trong năm 2014, Công ty thực hiện thoái vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang theo Nghị quyết số 16/QĐHĐQT ngày 12/9/2014 của Hội đồng quản trị.

(\*\*) Theo nghị quyết số 11/QĐHĐQT ngày 24/6/2014, Công ty sẽ thực hiện việc đầu tư góp vốn 100 tỷ đồng (chiếm 45,45% vốn điều lệ) để thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp (tổng số vốn điều lệ dự kiến là 220 tỷ đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

*b. Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:*

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, tòa nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	45	40	Kinh doanh ô tô
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Việt Chánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45,45	45,45	Kinh doanh ô tô và bất động sản

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

*Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam:*

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tổng tài sản	202.269.767.066	99.998.500.000
Tổng công nợ	2.218.983.280	4.500.000
Tài sản thuần	200.050.783.786	99.994.000.000
<b>Tài sản thuần Công ty đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>80.020.313.514</b>	<b>39.997.600.000</b>
Doanh thu thuần	2.127.272.728	-
Lợi nhuận thuần	52.781.786	(6.000.000)
<b>Lợi nhuận thuần Công ty đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>21.112.714</b>	<b>(2.400.000)</b>

(Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 do Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Thành Nam lập)

*Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp:*

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tổng tài sản	220.621.969.847	-
Tổng công nợ	137.538.840	-
Tài sản thuần	220.484.431.007	-
<b>Tài sản thuần Công ty đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>100.210.173.893</b>	-
Doanh thu thuần	625.176.547	-
Lợi nhuận thuần	497.575.878	-
<b>Lợi nhuận thuần Công ty đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>199.030.351</b>	-

(Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp lập)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty TNHH Prukca International (*)	33.427.347.386	33.427.347.386
<b>Cộng</b>	<b>33.427.347.386</b>	<b>33.427.347.386</b>

(\*) Đầu tư dài hạn khác phản ánh phần vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH Prukca Việt Nam. Theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 021 022 000 215 ngày 02/01/2013 của Công ty TNHH Prukca Việt Nam, vốn Điều lệ của Công ty TNHH Prukca Việt Nam là 205.800.000.000 VND, Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy góp chiếm 15% vốn điều lệ. Đến ngày 31/12/2014, hai bên liên doanh đang thảo luận để thay đổi tỷ lệ vốn góp của các bên trong liên doanh.

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2014		01/01/2014	
	USD	VND	USD	VND
Dongfeng Moto Co.,Ltd	27.686.353	591.823.481.728	5.494.180	115.817.314.400
Các đối tượng trong nước	-	9.186.000	-	259.524.150
<b>Cộng</b>	<b>27.686.353</b>	<b>591.832.667.728</b>	<b>5.494.180</b>	<b>116.076.838.550</b>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các tổng đại lý	14.839.208.491	8.259.554.610
Khách hàng bán lẻ	100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>14.939.208.491</b>	<b>8.259.554.610</b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Prukca International (*)	47.074.020.000	47.074.020.000
Công ty TNHH Prukca Việt Nam (**)	1.173.035.856	1.173.035.856
Khoản phải trả khác	170.000.000	170.000.000
<b>Cộng</b>	<b>48.417.055.856</b>	<b>48.417.055.856</b>

(\*) Như trình bày tại Thuyết minh số 27 phần thuyết minh báo cáo tài chính, ngày 15/12/2010 Công ty TNHH Prukca International đã ứng trước 2,261,000 USD (tương đương với 47.074.020.000 VND tại ngày 31/12/2014) cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

(\*\*) Trong năm 2013, Công ty TNHH Prukca Việt Nam đã chuyển cho Công ty 54.361.080.000 đồng để tiếp tục triển khai các công việc liên quan đến dự án. Tiếp đó, Công ty đã phát hành hóa đơn tài chính trị giá 53.188.044.141 VND cho Công ty TNHH Prukca Việt Nam để bàn giao chi phí thực hiện dự án. Tại 31/12/2014 số tiền Công ty TNHH Prukca Việt Nam trả thừa sẽ được bù trừ với các chi phí phát sinh trong giai đoạn tiếp theo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN**

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>224.999.810.000</b>	<b>14.336.000.000</b>	<b>5.183.151.000</b>	<b>125.663.055.382</b>	<b>370.182.016.382</b>
Tăng vốn trong năm	44.999.960.000	-	-	-	44.999.960.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	112.499.710.000	-	-	(112.499.710.000)	-
Trích quỹ bổ sung vốn điều lệ	-	-	3.494.600.000	(3.494.600.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	82.049.842.747	82.049.842.747
Giảm khác	-	(66.000.000)	-	-	(66.000.000)
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>382.499.480.000</b>	<b>14.270.000.000</b>	<b>8.677.751.000</b>	<b>91.718.588.129</b>	<b>497.165.819.129</b>
Tăng vốn trong năm (*)	114.643.430.000	-	-	-	114.643.430.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	76.499.500.000	-	-	(76.499.500.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	135.853.280.678	135.853.280.678
Trích quỹ bổ sung vốn điều lệ (*)	-	-	4.102.500.000	(4.102.500.000)	-
Giảm khác	-	(153.764.000)	-	-	(153.764.000)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>573.642.410.000</b>	<b>14.116.236.000</b>	<b>12.780.251.000</b>	<b>146.969.868.807</b>	<b>747.508.765.807</b>

(\*) Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 24/5/2014 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/5/2014, Đại hội thông qua phân phối lợi nhuận như sau: trích quỹ dự trữ, bổ sung vốn điều lệ 5% tương ứng 4.102.500.000 đồng, trả cổ tức bằng cổ phiếu thường 20% và thực hiện phương án phát hành cổ phiếu như sau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**Phương án phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ.**

- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức: Công ty thực hiện việc phát hành 7.649.950 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện 10:2 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận 02 cổ phiếu) tương đương 76.499.500.000 đồng.

- Chào bán cổ phiếu: Công ty thực hiện việc chào bán 11.464.343 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền mua 10:3 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được quyền mua 03 cổ phiếu mới) với mệnh giá 10.000VND/cổ phiếu, tổng Vốn cổ phần thu được là 114.643.430.000 đồng.

Các thủ tục tăng vốn đã hoàn thành ngày 20/10/2014, số cổ phiếu tăng thêm là 19.114.293 cổ phiếu, tương ứng 191.142.930.000 đồng.

**Cổ phiếu**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>(Cổ phiếu)</b>	<b>(Cổ phiếu)</b>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57.364.241	38.249.948
+ Cổ phiếu phổ thông	57.364.241	38.249.948
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	57.364.241	38.249.948

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ**

Đến ngày 31/12/2014, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn chủ sở hữu theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua từ 382.499.480.000 đồng lên 573.642.410 đồng.

Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm 31/12/2014:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số cổ phiếu	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ
		(Cổ phiếu)	tại 31/12/2014	(%)
			(VND)	
1	Ông Đỗ Hữu Hạ	21.242.490	212.424.900.000	37,03
2	Ông Đỗ Hữu Hậu	9.659.250	96.592.500.000	16,84
3	Cổ đông khác	26.462.501	264.625.010.000	46,13
	<b>Cộng</b>	<b>57.364.241</b>	<b>573.642.410.000</b>	<b>100,00</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. DOANH THU**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	1.421.625.460.209	496.813.703.148
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.136.034.749	2.136.034.749
<b>Cộng</b>	<b>1.423.761.494.958</b>	<b>498.949.737.897</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.240.043.460.637	404.238.913.297
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.389.216.349	1.774.449.512
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	807.291.609	-
<b>Cộng</b>	<b>1.242.239.968.595</b>	<b>406.013.362.809</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.263.035.124	809.701.598
Lãi cho vay vốn	77.735.000	476.437.500
Cổ tức nhận được	1.127.774.420	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	595.823.719	179.605.150
<b>Cộng</b>	<b>11.064.368.263</b>	<b>1.465.744.248</b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	573.098.277	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.312.884.669	3.376.720.081
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	105.004.918	462.660.039
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.102.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.092.987.864</b>	<b>3.839.380.120</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí bảo hành	14.554.105.429	53.987.076
Chi phí khuyến mại, hội nghị khách hàng	13.009.148.177	822.000.000
Chi phí nhân viên	1.338.260.000	592.000.000
Chi phí khác	4.374.608.573	3.238.456.551
<b>Cộng</b>	<b>33.276.122.179</b>	<b>4.706.443.627</b>

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên	930.040.000	420.120.000
Chi phí khác	12.500.567.236	3.062.798.094
<b>Cộng</b>	<b>13.430.607.236</b>	<b>3.482.918.094</b>

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>138.039.125.465</b>	<b>82.371.377.495</b>
<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>61.061.628.343</i>	<i>81.085.238.397</i>
<i>Hoạt động khác</i>	<i>8.833.658.124</i>	<i>1.286.139.098</i>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<i>Hoạt động khác</i>	<i>1.102.000.000</i>	<i>-</i>
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.102.000.000	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>70.997.286.467</b>	<b>82.371.377.495</b>
<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>61.061.628.343</i>	<i>81.085.238.397</i>
<i>Hoạt động khác</i>	<i>9.935.658.124</i>	<i>1.286.139.098</i>
<b>Thuế suất thông thường</b>	<b>22%</b>	<b>25%</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>15.619.403.023</b>	<b>20.592.844.347</b>
<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>13.433.558.235</i>	<i>20.271.309.599</i>
<i>Hoạt động khác</i>	<i>2.185.844.787</i>	<i>321.534.748</i>
<b>Miễn, giảm Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(13.433.558.235)</b>	<b>(20.271.309.599)</b>
Miễn thuế theo ưu đãi của hoạt động chính (*)	(13.433.558.235)	(20.271.309.599)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.185.844.787</b>	<b>321.534.748</b>

(\*) Công ty áp dụng miễn thuế cho hoạt động kinh doanh chính theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và các quy định hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Trong năm, Công ty thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 (Trình bày lại) VND
Cổ phiếu bình quân đã phát hành đầu năm	36.271.928	36.271.928
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu	7.649.950	7.649.950
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu tăng thêm	3.598.530	-
<b>Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành</b>	<b>47.520.408</b>	<b>43.921.878</b>

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	135.853.280.678	82.049.842.747
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	135.853.280.678	82.049.842.747
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	47.520.408	43.921.878
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.859</b>	<b>1.868</b>

**25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hoá cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Báo cáo bộ phận được lập cho năm 2014 như sau:

Chỉ tiêu	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Cộng VND
<b>1. Doanh thu thuần</b>				
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	434.961.822.784	569.894.350.024	416.336.636.351	1.421.192.809.159
- Doanh thu khác	2.568.685.799	-	-	2.568.685.799
<b>2. Giá vốn</b>				
- Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán	370.676.538.543	506.143.961.826	363.411.690.223	1.240.232.190.592
- Giá vốn hoạt động khác	2.007.778.003	-	-	2.007.778.003
<b>3. Lợi nhuận gộp</b>				
- Bán hàng hóa, thành phẩm	64.285.284.241	63.750.388.198	52.924.946.128	180.960.618.567
- Hoạt động khác	560.907.796	-	-	560.907.796
<b>4. Lợi nhuận trước thuế</b>				
- Bán hàng hóa, thành phẩm	42.247.434.156	55.353.304.054	40.438.387.256	138.039.125.465
- Hoạt động khác	560.907.796	-	-	560.907.796

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

**Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực kinh doanh**

Theo số liệu trình bày nêu trên, hoạt động thứ yếu là hoạt động cung cấp dịch vụ khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí mua hàng	1.240.043.460.637	404.249.409.297
Chi phí nhân công	2.313.300.000	1.012.760.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	390.787.964	536.798.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.846.753.061	7.311.285.195
Chi phí liên quan đến bán hàng	27.563.253.606	875.987.076
Chi phí khác	6.789.142.742	216.484.921
<b>Cộng</b>	<b>1.288.946.698.010</b>	<b>414.202.724.530</b>

**27. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN LIÊN DOANH VỚI CÔNG TY TNHH PRUKSA INTERNATIONAL**

Ngày 10/08/2009, Công ty đã ký kết Hợp đồng Liên doanh với Công ty TNHH Prukisa International thành lập Công ty TNHH Prukisa Việt Nam để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đông, An Dương, Hải Phòng.

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000342 ngày 12/07/2010, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đông, An Dương, Hải Phòng; tổng mức Đầu tư của dự án là 949.573.000.000 đồng (trong đó, vốn tự có là 277.998.000.000 đồng, vốn vay và vốn tự huy động là 672.575.000.000 đồng); chứng chỉ quy hoạch số 143/CCQH ngày 25/10/2010 do Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng cấp, theo đó, diện tích đất dự kiến sử dụng là 21,15 ha.

Ngày 02 tháng 01 năm 2013, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận Đầu tư số 021 022 000 215 thành lập Công ty TNHH Prukisa Việt Nam. Theo đó, vốn Điều lệ của Công ty TNHH Prukisa Việt Nam là 205.800.000.000 VND (tương đương với 10.000.000 USD) trong đó Công ty TNHH Prukisa International góp 8.500.000 USD, chiếm 85% vốn điều lệ; Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy góp 1.500.000 USD, chiếm 15% vốn điều lệ.

Chi tiết thông tin tài chính liên quan đến dự án liên doanh, chi phí thực hiện và nguồn thực hiện đang được Công ty trình bày trên báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2014 của Công ty như sau:

	31/12/2014	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	01/01/2014
	VND	VND	VND	VND
Nhận giữ hộ vốn góp của đối tác trong liên doanh (Thuyết minh số 15)	47.074.020.000	-	-	47.074.020.000
Nhận tiền từ Công ty liên doanh để chi trả cho phần chi phí đã thực hiện (Thuyết minh số 15).	1.173.035.856	-	-	1.173.035.856
Chi phí dự án đã thực hiện (Thuyết minh số 8)	5.656.736.019	2.969.950.999	-	2.686.785.020



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	506.580.539.574	177.402.247.656
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.988.493.425	150.403.732.954
Đầu tư tài chính ngắn hạn	448.550.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	212.325.347.386	193.427.347.386
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.187.444.380.385</b>	<b>521.233.327.996</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	640.249.723.584	164.493.894.406
Chi phí phải trả	25.265.000.000	982.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>665.514.723.584</b>	<b>165.475.894.406</b>

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện phần lớn giao dịch mua hàng hóa có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Đô la Mỹ (USD)	686,06	462,39	27.686.353,00	5.494.180,00
Tương đương VND	14.543.747	9.997.006	591.823.481.728	115.817.314.400

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các công đồng cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (tếp theo)*

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	506.580.539.574	-	506.580.539.574
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.988.493.425	-	19.988.493.425
Đầu tư tài chính ngắn hạn	448.550.000.000	-	448.550.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	212.325.347.386	212.325.347.386
<b>Tổng cộng</b>	<b>975.119.032.999</b>	<b>212.325.347.386</b>	<b>1.187.444.380.385</b>
<b>31/12/2014</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	640.249.723.584	-	640.249.723.584
Chi phí phải trả	11.035.000.000	14.230.000.000	25.265.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>651.284.723.584</b>	<b>14.230.000.000</b>	<b>665.514.723.584</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>323.834.309.415</b>	<b>198.095.347.386</b>	<b>521.929.656.801</b>
	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>01/01/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	177.402.247.656	-	177.402.247.656
Phải thu khách hàng và phải thu khác	150.403.732.954	32.079.259	150.435.812.213
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	193.427.347.386	193.427.347.386
<b>Tổng cộng</b>	<b>327.805.980.610</b>	<b>193.459.426.645</b>	<b>521.265.407.255</b>
<b>01/01/2014</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	164.493.894.406	-	164.493.894.406
Chi phí phải trả	982.000.000	-	982.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>165.475.894.406</b>	<b>-</b>	<b>165.475.894.406</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>162.330.086.204</b>	<b>193.459.426.645</b>	<b>355.789.512.849</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**Danh sách các bên liên quan:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy	Công ty cùng chịu sự kiểm soát của cổ đông lớn
Công ty CP Thương mại Hưng Việt	Công ty cùng chịu sự kiểm soát của cổ đông lớn
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	Công ty nhận vốn góp liên doanh
Dongfeng Motors Engineering	Nhà cung cấp lớn

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy</b>		
Mua hàng hoá, dịch vụ	90.707.349.864	23.303.484.597
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt</b>		
Thu hồi vốn từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	145.835.447.934	114.989.000.000
<b>Công ty TNHH Dongfeng Motors Engineering</b>		
Mua hàng hoá, dịch vụ	993.818.980.949	115.817.314.400
<b>Công ty TNHH Pruksa Việt Nam</b>		
Góp vốn bằng chi phí dự án	-	33.427.347.386

Số dư với các bên liên quan:

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Công ty TNHH Dongfeng Motors Engineering</b>		
Phải trả thương mại	591.823.481.728	115.817.314.400
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy</b>		
Ứng trước tiền hàng	25.946.134.433	23.303.484.297

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	405.480.000	178.512.000

**30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán, một số chỉ tiêu được trình bày lại cho mục đích so sánh như sau:

TT	Khoản mục	Mã số	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014	Chênh lệch	Ghi chú
			Đã kiểm toán	Trình bày lại		
			VND	VND	VND	
1.	Quỹ khác thuộc vốn chủ	413	3.494.600.000	-	(3.494.600.000)	(1)
2.	Quỹ dự phòng tài chính	418	5.183.151.000	-	(5.183.151.000)	(1)
3.	Quỹ đầu tư phát triển	415	-	8.677.751.000	8.677.751.000	(1)

(1) Trình bày lại quỹ khác thuộc vốn chủ và quỹ dự phòng tài chính về quỹ đầu tư phát triển.

  
\_\_\_\_\_  
Hồ Thị Xuân Hòa  
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 01 năm 2015

  
\_\_\_\_\_  
Hồ Thị Xuân Hòa  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
Vũ Văn Cảnh  
Giám đốc